TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2018/QĐST- KDTM	*Đồng Hới, ngày 14 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 27/2016/TLST- KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2016;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số A - Láng H, phường C, quận Đ, Thành Phố N; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh - CTHĐTV; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Minh V - Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng N - chi nhánh T; địa chỉ: Số B, đường T, phường Ng, thành phố H, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Doanh nghiệp Nh - nay là Công ty Nh; địa chỉ: Số A, đường S, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Tiểu M - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Tiểu M; địa chỉ: Số A, đường S, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình;

+ Ông Hoàng Văn T và bà Lại Thị H; địa chỉ: Số B, đường Tr, phường Ph, thành phố H, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện Nguyên đơn, đại diện bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã thỏa thuận cụ thể như sau:

2.1. Về tiền nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số: 35/2011/HĐTD ngày 20/12/2011 Doanh nghiệp Nh - Nay là Công ty Nh có vay vốn tại Ngân hàng N). Doanh nghiệp Nh - Nay là Công ty Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng N và bị áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn. Tính đến ngày 03/5/2018, Doanh nghiệp Nh - Nay là Công ty Nh còn nợ Ngân hàng N số tiền: 13.082.152.081 đồng. Tổng dư nợ gốc là: 6.641.000.000 đồng; tiền lãi là: 6.441.152.081 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 13.082.152.081 đồng (Bằng chữ: *Mười ba tỷ, không trăm tám mươi hai triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, không trăm tám mươi mốt đồng).*

2.2. Thời gian và phương án trả nợ:

Các bên đã thống nhất số tiền nợ, phương án và mốc thời gian trả nợ cho Ngân hàng N như sau:

Từ ngày 04/5/2018 đến ngày 06/8/2018 Công ty Nh trả hết toàn bộ gốc với số tiền là 6.641.000.000 đồng. Từ ngày 07/8/2018 đến ngày 06/11/2018 trả khoản tiền lãi tính đến ngày 03/5/2018 là 6.441.152.081 đồng và trả khoản tiền lãi phát sinh từ 04/5/2018 đến thời điểm thanh toán xong số nợ gốc theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký. Sau khi thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ thì Ngân hàng N sẽ giải chấp toàn bộ tài sản thế chấp cho bà Trần Thị Tiểu M; ông Hoàng Văn T và bà Lại Thị H.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp khi đến hạn trả nợ gốc, trả nợ lãi mà Doanh nghiệp Nh - Nay là Công ty Nh không trả được nợ:

Trường hợp không thực hiện đúng cam kết ở trên thì: (1) Tài sản thế chấp của bà Trần Thị Tiểu M đã thế chấp cho Ngân hàng N là nhà và đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Trần Thị Tiểu M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 30/2012/HĐTC ngày 28/5/2012, gồm: 01ngôi nhà ở có diện tích xây dựng 47,9 m^2, diện tích sử dụng 101,5 m^2, xây 02 tầng và các tài sản khác gắn liền với đất trên thửa đất số 13, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3101060141, số vào sổ HĐ0141, do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/12/1998 có vị trí tại Tổ dân phố B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình sẽ được xử lý phát mãi để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Doanh nghiệp Nh - Nay là Công ty Nh với số tiền gốc: 4.440.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến thời điểm xử lý tài sản trên số nợ gốc và các chi phí nghĩa vụ liên quan để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N. (2) Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Hoàng Văn T và bà Lại Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 06/2010/HĐTC ngày 12/11/2010, gồm: 01 ngôi nhà ở có diện tích xây dựng 60 m^2, diện tích sử dụng 180 m^2, xây 03 tầng và các tài sản khác gắn liền với đất trên thửa đất số 60, tờ bản đồ số 45, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 373671, số vào sổ cấp GCN: 00353 QSDĐ/ 13 QĐ/UB do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/02/2001, vị trí đất tại phường Ph, thành phố H, tỉnh Quảng Bình mang tên ông Hoàng Văn T, bà Lại Thị H và các công trình phát sinh trên các thửa đất đó sẽ được xử lý phát mãi để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Doanh nghiệp Nh - Nay là Công ty

Nh với số tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến thời điểm xử lý tài sản trên số nợ gốc và các chi phí nghĩa vụ liên quan để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N. Số tiền nợ gốc còn lại 201.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc này Doanh nghiệp Nh - Nay là Công ty Nh phải có nghĩa vụ thanh toán, trường hợp không thanh toán được thì bà Trần Thị Tiểu M – Nguyên là chủ Doanh nghiệp Nh phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N.

2.4. Về án phí: Ngân hàng N và Công ty Nh thỏa thuận Công ty Nh chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành là: 60.541.076 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Trả lại số tiền tạm ứng án phí: 61.915.000 đồng mà Ngân hàng N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015No 0001540 ngày 23/8/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSTP. Đồng Hới;
- TAND. tỉnh QB;
- VKSND. tỉnh QB,
- THADS TP.Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Võ Bá Lưu